

Họ tên học sinh: Lớp:

PHIẾU TRẢ LỜI: Học sinh dùng tích vào đáp án đúng, không khoanh vào đề

Câu	A	B	C	D	Câu	A	B	C	D	Câu	A	B	C	D
1	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	11	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	21	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	12	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	22	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
3	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	13	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	23	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
4	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	14	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	24	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
5	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	15	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	25	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
6	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	16	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	26	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
7	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	17	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	27	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
8	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	18	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	28	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
9	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	19	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>					
10	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	20	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>					

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (7 điểm) Hãy chọn câu trả lời đúng nhất.

Câu 1. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về vị trí địa lí nước ta?

- A. Nằm trong vùng có nhiều thiên tai.
- B. Nằm ở rìa phía đông bán đảo Đông Dương.
- C. Nằm trong vùng cận nhiệt bán cầu Bắc.
- D. Tiếp giáp với biển Đông rộng lớn.

Câu 2. Đất feralit có đặc tính chua là do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Có sự tích tụ nhiều ôxit nhôm.
- B. Có sự tích tụ nhiều ôxit sắt.
- C. Quá trình phong hóa diễn ra mạnh.
- D. Mưa nhiều rửa trôi các chất bazo dễ tan.

Câu 3. Ý nào sau đây **không** đúng với đặc điểm chung của địa hình nước ta?

- A. Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người.
- B. Địa hình chủ yếu là núi cao trên 1000m.
- C. Cấu trúc địa hình khá đa dạng.
- D. Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.

Câu 4. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vùng núi Tây Bắc nước ta?

- A. Các dãy núi có hướng tây bắc - đông nam.
- B. Là khu vực có địa hình cao nhất cả nước.
- C. Các thung lũng sông hướng tây bắc - đông nam.
- D. Phía tây là các sơn nguyên và cao nguyên đá vôi.

Câu 5. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất nông nghiệp ở nước ta?

- A. Thuận lợi cho việc xây dựng kế hoạch mùa vụ.
- B. Môi trường thiên nhiên dễ bị suy thoái, ô nhiễm.
- C. Dễ dàng tăng vụ, đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi.

D. Khó khăn cho việc bảo quản máy móc, nông sản.

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi nào sau đây có hướng Tây Bắc-Đông Nam?

A. Đông Triều. B. Bắc Sơn. C. Pu Đen Đinh. D. Ngân Sơn.

Câu 7. Đặc điểm nào sau đây của vị trí địa lí đã quy định tính nhiệt đới của thiên nhiên nước ta?

- A. Nằm trong vùng hoạt động của gió mùa châu Á.
- B. Nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.
- C. Nằm ở nơi tranh chấp của nhiều khối khí theo mùa.
- D. Tiếp giáp giữa lục địa và đại dương rộng lớn.

Câu 8. Biện pháp nào sau đây được sử dụng chủ yếu để bảo vệ đa dạng sinh học ở nước ta?

- A. Giao quyền sử dụng đất và bảo vệ rừng cho người dân.
- B. Thực hiện chiến lược trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc.
- C. Mở rộng hệ thống vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên.
- D. Đảm bảo duy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng.

Câu 9. Biện pháp nào sau đây là hiệu quả nhất trong bảo vệ rừng và đất rừng ở vùng đồi núi nước ta?

- A. Chống bạc màu, glây, nhiễm mặn, nhiễm phèn.
- B. Xây dựng hệ thống thủy lợi phục vụ tưới tiêu.
- C. Tổ chức định canh, định cư cho dân cư miền núi.
- D. Đẩy mạnh thâm canh, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Câu 10. Sông nào sau đây ở nước ta có mùa lũ **không** xảy ra vào thu đông?

A. Thu Bồn. B. Đà Rằng. C. Trà Khúc. D. Kì Cùng.

Câu 11. Xu hướng già hóa dân số nước ta **không** có biểu hiện nào sau đây?

- A. Tỷ lệ nhóm tuổi trong độ tuổi lao động tăng.
- B. Tỷ lệ nhóm tuổi trên độ tuổi lao động giảm.
- C. Tuổi thọ trung bình của người dân tăng.
- D. Tỷ lệ nhóm tuổi dưới độ tuổi lao động giảm.

Câu 12. Ưu điểm nổi bật nhất của nguồn lao động nước ta hiện nay là

- A. số lượng đông, có kinh nghiệm trong nông nghiệp.
- B. phân bố đều, lao động có trình độ tập trung ở thành thị.
- C. chất lượng tăng, khả năng tiếp thu khoa học kĩ thuật tốt.
- D. trình độ cao, có kinh nghiệm trong sản xuất công nghiệp.

Câu 13. Nhận định nào sau đây **không** đúng về cơ cấu lao động có việc làm phân theo trình độ chuyên môn kĩ thuật của nước ta hiện nay ?

- A. Tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo ít và đang tăng.
- B. Tỷ lệ lao động có trình độ đại học và trên đại học ít.
- C. Phần lớn lao động đã qua đào tạo nghề sơ cấp.
- D. Tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo giảm nhanh.

Câu 14. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nhận xét nào sau đây đúng với thời gian hoạt động của bão ở Việt Nam?

- A. Thời gian có bão chậm nhất ở Nam Trung Bộ.
- B. Thời gian có bão nhanh dần từ Bắc vào Nam.
- C. Thời gian có bão chậm dần từ Bắc vào Nam.
- D. Thời gian có bão sớm nhất ở Bắc Trung Bộ.

Câu 15. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết tên 4 cánh cung của vùng núi Đông Bắc theo thứ tự lần lượt từ Đông sang Tây?

- A. Đông Triều, Bắc Sơn, Ngân Sơn, Sông Gâm.
- B. Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều
- C. Đông Triều, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Sông Gâm.
- D. Sông Gâm, Ngân Sơn, Đông Triều, Bắc Sơn.

Câu 16. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết nhóm đất nào có diện tích lớn nhất ở nước ta?

- A. Đất feralit trên đá badan.
- B. Đất xám trên phù sa cổ.
- C. Đất feralit trên các loại đá khác.
- D. Đất feralit trên đá vôi.

Câu 17. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết sông nào sau đây **không** có hướng Tây Bắc - Đông Nam?

- A. Sông Cả.
- B. Sông Mã.
- C. Sông Đà.
- D. Sông Thương.

Câu 18. Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG TẠI HÀ NỘI VÀ TP. HỒ CHÍ MINH

(Đơn vị: °C)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Hà Nội	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2
TP.Hồ Chí Minh	25,8	26,7	27,9	28,9	28,3	27,5	27,1	27,1	26,8	26,7	26,4	25,7

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 - Nâng cao, Nxb Giáo dục, 2007)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng với chế độ nhiệt của Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh?

- A. Nhiệt độ trung bình của 12 tháng lần lượt là 23,5°C và 27,1°C.
- B. Biên độ nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội gấp 9,3 lần TP. Hồ Chí Minh.
- C. Biên độ nhiệt độ trung bình năm lần lượt là 3,2°C và 12,5°C.
- D. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh đều có 3 tháng nhiệt độ trung bình dưới 20°C.

Câu 19. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết quốc lộ nào sau đây nối cửa khẩu quốc tế Lao Bảo với Đông Hà?

- A. Quốc lộ 6.
- B. Quốc lộ 7.
- C. Quốc lộ 8.
- D. Quốc lộ 9.

Câu 20. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết phát biểu nào sau đây đúng về sự phân bố dân cư nước ta?

- A. Trung du có mật độ dân số thấp hơn miền núi.
- B. Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao nhất cả nước.
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ có mật độ dân số thấp nhất cả nước.
- D. Đồng bằng có mật độ dân số thấp hơn trung du.

Câu 21. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hồ Dầu Tiếng thuộc lưu vực hệ thống sông nào sau đây?

- A. SôngThu Bồn.
- B. Sông Mã.
- C. Sông Cả.
- D. Sông Đồng Nai.

Câu 22. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 và trang 5, cho biết huyện đảo Trường Sa thuộc tỉnh, thành phố nào sau đây?

- A. Quảng Ngãi.
- B. Phú Yên.
- C. Bình Định.
- D. Khánh Hòa.

Câu 23. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết các trung tâm công nghiệp nào sau đây có quy mô từ trên 40 đến 120 nghìn tỉ đồng?

- A. Hà Nội, Đà Nẵng.
- B. Vũng Tàu, Cần Thơ.

C. Biên Hòa, Cần Thơ.

D. Hải Phòng, Biên Hòa.

Câu 24. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết Việt Nam có giá trị xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa lớn nhất với quốc gia nào sau đây?

A. Nhật Bản.

B. Xin-ga-po.

C. Trung Quốc.

D. Hoa Kỳ.

Câu 25. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết đô thị nào sau đây có quy mô dân số từ 200 001 đến 500 000 người ?

A. Biên Hòa.

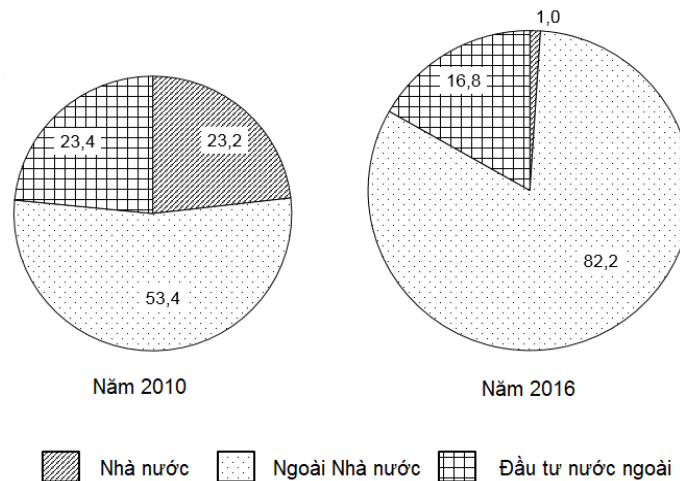
B. Cần Thơ

C. Vinh.

D. Đà Nẵng.

Câu 26. Cho biểu đồ :

CƠ CẤU SẢN LƯỢNG ĐƯỜNG KÍNH PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA, NĂM 2010 VÀ 2016 (%)



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về tỉ trọng sản lượng đường kính phân theo thành phần kinh tế của nước ta từ năm 2010 đến năm 2016?

A. Tỉ trọng sản lượng đường kính trong khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm.

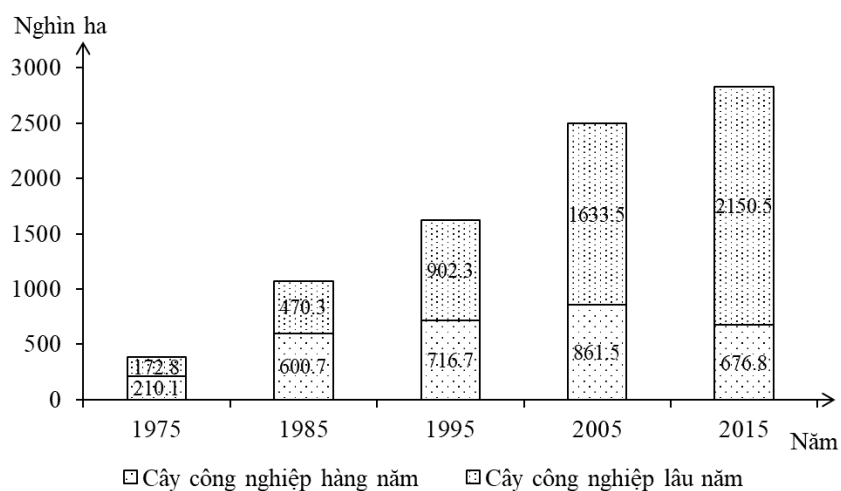
B. Tỉ trọng sản lượng đường kính trong khu vực kinh tế ngoài Nhà nước tăng .

C. Tỉ trọng sản lượng đường kính trong khu vực Nhà nước giảm.

D. Khu vực ngoài Nhà nước luôn chiếm tỉ trọng sản lượng đường kính thấp nhất.

Câu 27. Cho biểu đồ sau:

DIỆN TÍCH CÂY CÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2005 – 2015



Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây **không** đúng về diện tích cây công nghiệp nước ta giai đoạn 1975 – 2015?

- A. Năm 1975 cây công nghiệp hàng năm chiếm tỉ trọng lớn hơn cây công nghiệp lâu năm.
- B. Diện tích cây công nghiệp lâu năm tăng nhanh hơn cây công nghiệp hàng năm.
- C. Từ năm 1975 – 2015 diện tích cây công nghiệp hàng năm tăng liên tục.
- D. Giai đoạn 1995 – 2015 cây công nghiệp lâu năm chiếm tỉ trọng lớn hơn.

Câu 28. Cho bảng số liệu sau:

Số dân và tỉ lệ dân thành thị nước ta, giai đoạn 2000- 2013

Năm	2000	2005	2008	2010	2013
Số dân (triệu người)	77,6	82,4	85,1	86,9	89,7
Tỉ lệ dân thành thị (%)	24,1	27,1	29,0	30,0	32,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2014, Nhà xuất bản Thống kê, 2015)

Để thể hiện tình hình dân số nước ta giai đoạn 2000 -2013, biểu đồ thích hợp nhất là

- A. đường.
- B. miền .
- C. kết hợp.
- D. cột.

II . PHẦN TỰ LUẬN: (3 điểm)

Cho bảng số liệu sau:

**TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) THEO GIÁ THỰC TẾ
PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2000 – 2014**

(Đơn vị: tỉ đồng)

Năm	2000	2014
Nông-lâm-thủy sản	108 356	697 000
Công nghiệp-xây dựng	162 220	1 307 900
Dịch vụ	171 070	1 537 100
Tổng số	441 646	3 542 000

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

1. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự quy mô, cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của nước ta giai đoạn 2000 - 2014.
2. Nhận xét và giải thích sự chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của nước ta giai đoạn 2000 - 2014.

----- **HẾT** -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành